

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS-PT

Ngày: 24/12/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phạm Tồn

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Trần Quốc Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 12 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 365/TLPT-HS ngày 20 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo: Lê Vũ N và Bùi Văn P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Bị cáo kháng cáo:

1. Lê Vũ N (tên gọi khác C), sinh năm 1989; tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1962 và bà Vũ Thị Ánh L, sinh năm 1958; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/4/2018, bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; tạm giam từ ngày 04/01/2018. Có mặt.

2. Bùi Văn P, sinh năm 1993; tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi P, sinh năm 1947 và bà Lê Thị P, sinh năm 1958; tiền

án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; Có mặt.

** Những người tham gia tố tụng khác:*

- Người bào chữa của các bị cáo:

1. Ông Ngô Thiên P - Luật sư, Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, bào chữa cho bị cáo Lê Vũ N. Có mặt.

2. Bà Huỳnh Thị T - Luật sư, Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, bào chữa cho bị cáo Bùi Văn P. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Lê Phú Đ, sinh năm 1973. Nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Hồ Thị Bích T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1980. Nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1977. Nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Hà Nãi T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5. Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Đắk Lắk. Vắng mặt.

6. Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1997. Nơi cư trú: huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

7. Lê Văn T2, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

8. Lữ Tấn H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

9. Bùi Minh S, sinh năm 1987. Nơi cư trú: tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Cao Thị Mỹ L, sinh năm 1995. Nơi cư trú: tỉnh Phú Yên.

2. Phan Thành D, sinh năm 1951. Nơi cư trú: tỉnh Phú Yên.

3. Hồ Quốc T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 13/11/2017 đến ngày 07/12/2017, Lê Vũ N rủ Bùi Văn P, N đã gian dối với các chủ sở hữu về mục đích thuê xe để chở khách đi du lịch nhưng thực chất mang xe ô tô của anh Lê Phú Đ và chị Hồ Thị Bích T trị giá 600.000.000 đồng đi thế chấp lấy 338.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân và đánh xóc đĩa, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 10/2017, Lê Vũ N và Bùi Văn P đem xe mô tô biển số 78F1-342.16 của P đi thế chấp lấy 20.000.000 đồng rồi cùng đến thuê phòng tại khách sạn N, thuộc phường 9, thành phố T để ở. Đến ngày 13/11/2017, N rủ P đi thuê xe ô tô tự lái đem thế chấp lấy tiền,. Ngày 14/11/2017, N và P đến thuê phòng tại khách sạn H ở số 523-525 H, phường 9, thành phố T để ở đến khoảng 18 giờ, ngày 16/11/2017, N và P đến nhà anh Lê Phú Đ ở số 75A đường N, phường 2, thành phố T, P vào quán cà phê ngồi đợi còn N vào ký Hợp đồng thuê xe ô tô hiệu INNOVA, biển số 78A-02080, thời hạn thuê 01 tháng, kể từ ngày 16/11/2017 đến ngày 16/12/2017, với giá 600.000 đồng/1 ngày. Sau khi thuê được xe, N điều khiển xe chở P về khách sạn H. Ngày 21/11/2017, N nhờ T2 điều khiển xe chở N và P đem xe vào thị xã N, tỉnh Khánh Hòa thế chấp cho anh Hà Nãi T lấy 88.000.000 đồng. Tiền thế chấp xe N giữ và trả tiền thuê phòng khách sạn; tiền ăn uống sinh hoạt hằng ngày của N, P; đưa cho P khoảng 500.000 đồng; còn lại N, P đi đến huyện V, tỉnh Bình Định và ngã tư Đ, đường đi huyện S, tỉnh Phú Yên chơi xóc đĩa thua hết.

Vụ thứ hai: Ngày 24/11/2017, N và P chuyển đến thuê phòng tại khách sạn S 2, ở địa chỉ 461-463 H, phường 9, thành phố T để ở, Ngày 02/12/2017, N gọi điện thoại đến Công ty T, địa chỉ 237 L, khu phố 3, phường P, thành phố T gặp anh Nguyễn Văn H thuê xe ô tô hiệu INNOVA biển số 78A- 013.78 của chị Hồ Thị Bích T, Sau khi ký hợp đồng, anh Hồ Quốc T (anh T) đem xe đến khách sạn S 2 giao cho N. Ngày 07/12/2017, N điều khiển xe chở P và bạn gái Nguyễn Thị Kim O vào thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nhờ B và H1 dẫn đường đem xe đến tỉnh Đắc Nông thế chấp cho anh Nguyễn Trọng T1 lấy 250.000.000 đồng. N cho B và H1 mượn 50.000.000 đồng, còn lại N cất giữ chi trả tiền thuê khách sạn, tiền ăn uống sinh hoạt hằng ngày và đưa cho P nhiều lần, mỗi lần khoảng 500.000 đồng, số tiền còn lại N và P đem đến huyện V, tỉnh Bình Định và ngã tư Đ, đường đi huyện S, tỉnh Phú Yên chơi xóc đĩa thua hết. Ngày 03/01/2018, qua theo dõi định vị anh H phát hiện xe ô tô 78A-013.78 ở tỉnh Đắc Nông nhưng N đang ở khách sạn S 2 nên đã báo Công an phường 9, thành phố T.

Tại các bản Kết luận định giá tài sản ngày 04/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: Xe ô tô hiệu INNOVA biển số 78A-020.80 trị giá

370.000.000 đồng; xe ô tô hiệu INNOVA biển số 78A-013.78 trị giá 230.000.000 đồng. Tổng trị giá hai xe ô tô là 600.000.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 13/CT-VKS-P1 ngày 09/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố Lê Vũ N và Bùi Văn P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Vũ N và Bùi Văn P vẫn khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng.

Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều khai về tình tiết vụ án diễn ra như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng; các bị hại đã nhận lại tài sản và đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trọng T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền đã nhận thế chấp xe 250.000.000 đồng; lời khai có tại hồ sơ, Hà Nãi T cũng yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền đã nhận thế chấp xe 88.000.000 đồng.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Lê Vũ N, Bùi Văn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng khoản điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo; thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo P; phạt bị cáo Lê Vũ N từ 12 đến 13 năm tù; phạt Bùi Văn P từ 10 đến 11 năm tù. Đề nghị buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền nhận thế chấp cho Hà Nãi T và Nguyễn Trọng T1, theo tỷ lệ N 60%, P 40%. Trả cho Lê Vũ N 01 giấy chứng minh nhân dân số 221183133, ghi ngày 26/8/2016; tịch thu tiêu hủy 01 giấy phép lái xe số 790146905001, ghi ngày 26/6/2014, tên Đặng Văn Tài; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, vỏ xanh, bàn phím số thu giữ của bị cáo Lê Vũ N.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử mức án thấp hơn mức án mà Kiểm sát viên đã đề nghị.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên lời luận tội; các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Vũ N và Bùi Văn P phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo; thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo P. Xử Phạt:

- Bị cáo Lê Vũ N 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2018.
- Bị cáo Bùi Văn P 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyết định về án phí, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/10/2018, bị cáo Lê Vũ N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin khai thêm một số đồng phạm để làm rõ sự thật của vụ án .

Ngày 23/10/2008, bị cáo Bùi Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giảm tiền bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Vũ N giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và thừa nhận, từ ngày 13/11/2017 đến ngày 07/12/2017, Lê Vũ N rủ Bùi Văn P N đã có hành vi gian dối đối với các chủ sở hữu về mục đích thuê xe chở khách, nhưng thực chất mang xe ô tô của anh Lê Phú Đ và chị Hồ Thị Bích T trị giá 600.000.000 đồng đi thế chấp lấy 338.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân và đánh bạc. Theo Bị cáo Vũ; bị cáo trực tiếp thuê xe giúp làm theo yêu cầu cho một người có tên là Hữu bạn bè ngoài xã hội, số tiền cầm xe để mang về giao cho Hữu sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Văn P ngoài việc thừa nhận hành vi, nội dung vụ án như bị cáo N đã trình bày, N là người chủ động thực hiện hành vi lừa đảo đi thế chấp xe lấy tiền tiêu xài. Không có ai tên Hữu như lời khai của bị cáo N, trong hai lần thế chấp chiếm đoạt số tiền 338.000.000 đồng, N chỉ cho bị cáo nhiều lần khoảng 1.000.000 đồng để tiêu vật và ăn ngủ khách sạn.

Luật sư thống nhất về tội danh ,nhưng đề nghị HĐXX cần Hủy án sơ thẩm để điều tra làm rõ vai trò của người có tên Hữu mới đánh giá hết vai trò hành vi của từng bị cáo tránh bỏ lọt người phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

-Về tố tụng: Thẩm phán-Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

-Về nội dung: Tại phiên Tòa Lê Vũ N khai làm theo một người có tên Hữu ngoài ra không cung cấp thêm thông tin gì khác nên không có căn cứ để kiến nghị điều tra bổ sung. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận. Do có ý định gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt từ trước nên từ ngày 13/11/2017 đến ngày 07/12/2017. Lê Vũ N rủ Bùi Văn P lập hợp đồng thuê ô tô tự lái nói dối với những người cho thuê xe là để chở khách và cho thuê lại, nhưng nay sau khi thuê được xe của anh Lê Phú Đ và chị Hồ Thị Bích T đem thế chấp lấy 338.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân và đánh bạc. Tổng giá trị chiếm đoạt là 600.000.000 đồng cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 14/11/2017, N và P đến thuê phòng tại khách sạn H ở số 523-525 H, phường 9, thành phố T để tìm cách liên lạc với anh Lê Phú Đ ở số 75A đường Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố T để thuê xe ô tô hiệu INNOVA, biển số 78A-02080. Ngày 21/11/2017, N nhờ T2 điều khiển xe chở N và P đem xe vào thị xã N, tỉnh Khánh Hòa thế chấp cho anh Hà Nãi T lấy 88.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân và cờ bạc.

Vụ thứ hai: Ngày 24/11/2017, N và P chuyển đến thuê phòng tại khách sạn S 2, ở địa chỉ 461-463 H, phường 9, thành phố T và thuê xe ô tô hiệu INNOVA biển số 78A- 013.78 của chị Hồ Thị Bích T, với giá 12.000.000 đồng trên 01 tháng. Ngày 07/12/2017, N điều khiển xe ô tô chở P và bạn gái Nguyễn Thị Kim O vào thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nhờ B và H1 dẫn đường đem xe đến xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông thế chấp cho anh Nguyễn Trọng T1 lấy 250.000.000 đồng. Sau khi thế chấp xe N cho B và H1 mượn 50.000.000 đồng, còn lại N cất giữ chi trả tiền thuê khách sạn, tiền ăn uống sinh hoạt hằng ngày và đưa cho P nhiều lần, mỗi lần khoảng 500.000 đồng, số tiền còn lại N và P đem đến huyện V, tỉnh Bình Định và ngã tư Đ, đường đi huyện S, tỉnh Phú Yên đánh bạc. Với hành vi như trên Tòa án cấp sơ thẩm đã Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử bị cáo Lê Vũ N và Bùi Văn P về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng tội danh.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo : Lê Vũ N là người có nhân thân xấu. Ngày 17/4/2018, bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nay lại tiếp tục phạm tội, bị cáo N là người chủ động rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt của hai xe 338.000.000 đồng N chủ động chi tiêu và đánh bạc.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo 12 năm tù khởi điểm của khung hình phạt qui định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ Luật Hình sự năm 1999 là không nặng, do đó cần bác đơn kháng cáo của bị cáo

theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa.

[3] Đối với các lời khai của Bị cáo N tại phiên tòa hôm nay. Bị cáo đi thuê xe để thể chấp lấy tiền đưa cho người có tên là Hữu bạn bè ngoài xã hội không rõ địa chỉ..., nhưng Bùi Văn P cho rằng, N khai không trung thực số tiền chiếm đoạt có được N tiêu xài và đánh bạc. Vì vậy yêu cầu đề nghị hủy án sơ thẩm của luật sư và lời khai của N là không có gì mới nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Văn P thì thấy; Do không làm chủ được bản thân bị lôi kéo rủ rê đi theo cùng với N, đem xe mô tô biển số 78F1-342.16 của mình đi thể chấp lấy 20.000.000 đồng, dùng số tiền ban đầu này vào mục đích thuê nhà ăn uống để thực hiện hành vi lừa đảo. Tuy nhiên; N là người chủ động và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội P chỉ được nguyên cho nhiều lần khoảng 1.000.000 đồng để tiêu vặt và được bao ăn ngủ khách sạn chứ không hưởng lợi gì khác.

Xét thấy bị cáo là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò thứ yếu không đáng kể, điều kiện hoàn cảnh gia đình thật sự khó khăn, Bị cáo lần đầu phạm tội có hai tình tiết giảm nhẹ điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 nên đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử dưới khung hình phạt, nên chấp nhận đơn kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần về hình phạt để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Việc Tòa sơ thẩm chia tỉ lệ bồi thường về dân sự 7/3 là bảo đảm quyền lợi ích người bị hại là có căn cứ , vì vậy không chấp yêu cầu kháng cáo về phần dân sự của bị cáo Bùi Văn P .

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Lê Vũ N không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Một phần kháng cáo của Bùi Văn P được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm a, khoản 1 Điều 355; Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Vũ N , giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đối với bị cáo.

Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn P xin giảm nhẹ hình phạt, sửa án sơ thẩm đối với bị cáo.

2. Tuyên bố: bị cáo Lê Vũ N và Bùi Văn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo; thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Văn P.

Xử phạt: Bị cáo Lê Vũ N 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2018.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn P 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Kháng cáo bị cáo Lê Vũ N không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000đồng. Kháng cáo bị cáo Bùi Văn P được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án hôm nay ./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Yên;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tồn